

# SỰ PHÁT TRIỂN TRÍ SÁNG TẠO VÀ NĂNG LỰC THIẾT KẾ MỸ THUẬT CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Lê Thị Bằng

*Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp.*

## 1. Đặt vấn đề

Hoạt động sáng tạo là dạng hoạt động bậc cao và đặc trưng của con người. Xã hội loài người không thể phát triển nếu không có sự sáng tạo của mỗi cá nhân. Sự sáng tạo được diễn ra trong toàn bộ cuộc sống, lao động, học tập, nghiên cứu khoa học và sáng tạo nghệ thuật. Mọi hoạt động sáng tạo đều dựa trên một thuộc tính tâm lý quan trọng, đó là trí sáng tạo của con người.

Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp là trường đào tạo họa sĩ thiết kế mỹ thuật ứng dụng vào đời sống xã hội, vì thế họ phải là người có trí sáng tạo cao.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ giới thiệu kết quả thực nghiệm tác động tâm lý nhằm nâng cao trí sáng tạo và năng lực thiết kế mỹ thuật (Design) của sinh viên Đại học Mỹ thuật Công nghiệp.

## 2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp đo lường trí sáng tạo cũng như đánh giá (chấm điểm) các sản phẩm sáng tạo của sinh viên (bài tập thiết kế mỹ thuật (TKMT) chuyên ngành cụ thể). Chúng tôi đã sử dụng hai bộ trắc nghiệm tâm lý của nhà tâm lý học người Đức. Đó là Test tư duy sáng tạo – sản phẩm vẽ của Klaus Urban, viết tắt là TSD – Z. (Test Schoepferisches Denken – Zeichnerisch) và Test sáng tạo ngôn ngữ của K.J. Schoppe, viết tắt là VKT (Verbaler Kreative Test).

Từ 250 sinh viên đã làm Test sáng tạo TSD – Z và VKT chọn ra 96 sinh viên có mức độ trí sáng tạo tương đương để nghiên cứu thực nghiệm nâng cao trí sáng tạo và năng lực TKMT chuyên ngành. Chia đôi ngẫu nhiên số 96 sinh viên thành hai nhóm, mỗi nhóm gồm 48 sinh viên. Một nhóm gọi là nhóm thực nghiệm (TN), và nhóm kia là nhóm đối chứng (ĐC).

### **3. Kết quả nghiên cứu**

#### ***3.1. Phương pháp thực nghiệm tác động tâm lý nhằm nâng cao trí sáng tạo và năng lực TKMT***

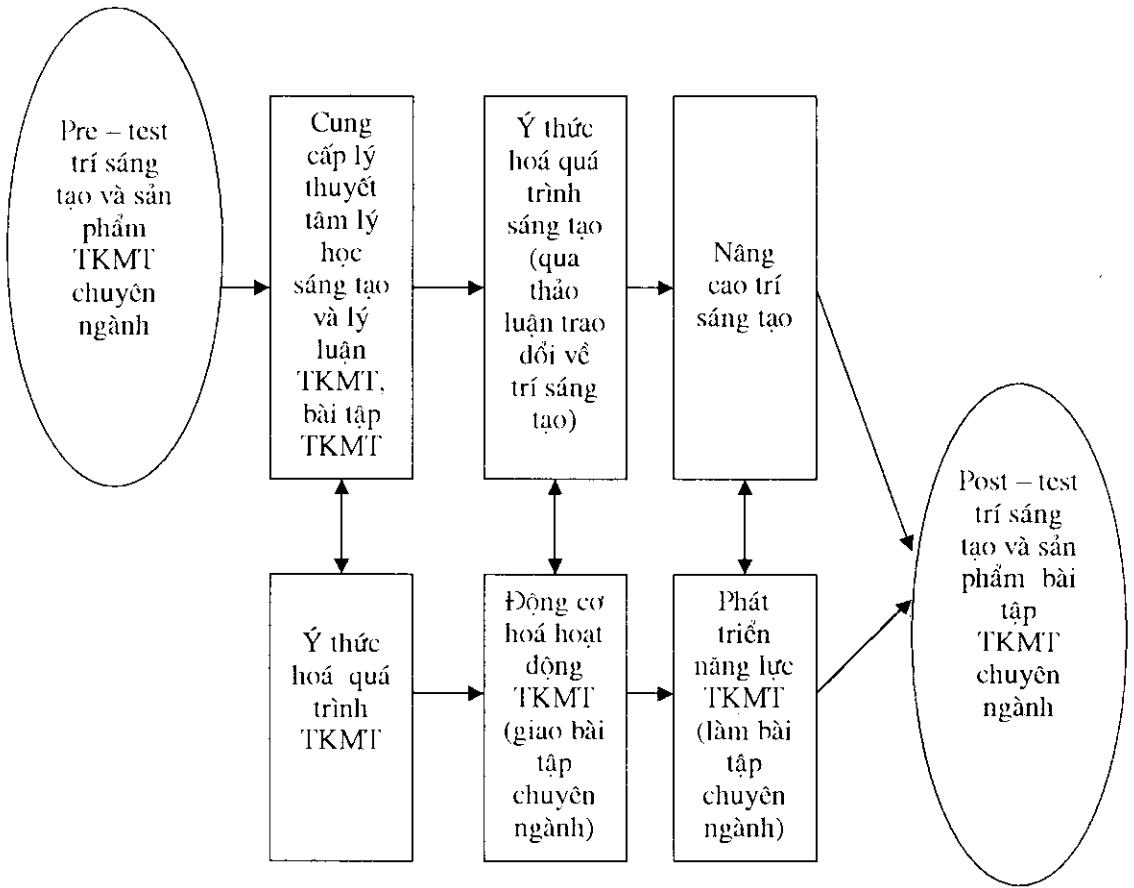
\* Sau khi thực hiện làm test trước thực nghiệm (Pre – Test), sinh viên nhóm ĐC được học tập theo phương pháp thông thường, còn nhóm TN được cung cấp cơ sở lý luận tâm lý học sáng tạo (dưới hình thức xêmina khoa học mà thực chất là bài giảng tâm lý học kiểu mới định hướng phát triển trí sáng tạo của sinh viên), nhằm làm cho sinh viên nhận thức rõ (ý thức hoá) về quá trình sáng tạo, tức là làm cho quá trình sáng tạo trở thành quá trình sáng tạo có ý thức, từ đó trí sáng tạo của họ được nâng cao, dẫn đến kết quả test sáng tạo TSD – Z ở thời điểm làm test sau thực nghiệm (post – test) được nâng cao.

\* Việc cung cấp lý luận về TKMT tiếp sau đó bằng hình thức xêmina khoa học và qua việc giảng dạy, hướng dẫn thực hành TKMT của giảng viên chuyên ngành theo cách mới phù hợp với lý luận tâm lý học sáng tạo cho sinh viên nhóm TN, làm cho họ nhận thức một cách có ý thức về quá trình TKMT (không giống với truyền nghề), tức là đã ý thức hoá quá trình TKMT đối với sinh viên nhóm TN. Sau đó, tạo động cơ sáng tạo TKMT (tức động cơ hoá hoạt động TKMT) của sinh viên qua việc làm bài tập chuyên ngành, hoạt động giải quyết bài tập chuyên ngành làm hình thành và nâng cao năng lực TKMT của sinh viên.

\* Trí sáng tạo được nâng cao do nhận thức về lý thuyết tâm lý học sáng tạo, do được ý thức hoá quá trình sáng tạo và động cơ hoá quá trình TKMT nhờ giao bài tập TKMT cụ thể tương tác với năng lực TKMT được hình thành. Nhờ việc thực hành giải quyết các bài tập TKMT chuyên ngành dẫn đến việc hình thành năng lực TKMT và trí sáng tạo tương ứng vào thời điểm sau khi kết thúc thực nghiệm, được đo lường bằng Test sáng tạo TSD – Z của Urban và qua đánh giá bài tập chuyên ngành ở thời điểm post – test.

Logic thực nghiệm tác động tâm lý làm tăng trí sáng tạo và tăng năng lực TKMT thể hiện ở sơ đồ 1.

*Sơ đồ 1: Sơ đồ logic tác động tâm lý nâng cao sáng tạo và năng lực TKMT*



### **3.2. Sự phát triển trí sáng tạo và năng lực TKMT của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp trong quá trình thực nghiệm tác động**

#### **3.2.1. Sự phát triển trí sáng tạo của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp nhóm thực nghiệm**

Để xác định sự phát triển của trí sáng tạo nhờ tác động thực nghiệm như đã trình bày ở phần 1. Sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp nhóm TN được đo

lượng trí sáng tạo bằng TSD – Z Urban, và VKT Schoppe (Post – test), từ số liệu post – test này với xử lý thống kê trên phần mềm SPSS version 12.0 ta có kết quả sau:

**Bảng 1:** Mức độ trí sáng tạo của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp nhóm TN ở thời điểm trước và sau tác động thực nghiệm theo TSD – Z Urban và VKT Schoppe

Test	Nhóm TN	$\overline{R-W}$	$\overline{CQ}$	SD	Min	Max	Mức độ sáng tạo	P
TSD - Z	Đo trước TH	37.25		6.2	26	51	D	.000
	Đo sau TH	53.15		5.7	41	61	E	
VKT	Đo trước TH		98.9	6.1	91	116	C	.438
	Đo sau TH		99.9	6.2	91.83	120.16	C	

Từ bảng 1 cho thấy, việc sinh viên được cung cấp tri thức tâm lý học về bản chất, cấu trúc và quá trình sáng tạo, được trao đổi tự do, cởi mở với chuyên gia tâm lý học, được vận dụng tâm lý học sáng tạo vào thiết kế mỹ thuật, đã làm tăng trí sáng tạo của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp.

Cụ thể là: Giá trị trung bình điểm TSD – Z Urban tăng từ 37,25 lên 53,15. Giá trị điểm Test tối thiểu tăng từ 26 đến 41, và giá trị điểm Test tối đa tăng từ 51 lên 61. Mức độ trí sáng tạo theo TSD – Z Urban tăng từ loại trung bình khá (D) lên loại khá (E). Như vậy, ta thấy có sự tăng trưởng rất mạnh tính sáng tạo của nhóm TN từ thời điểm trước tác động đến thời điểm sau tác động với  $P = 0,000 < 0,05$ .

Cũng tại bảng 1, theo VKT Schoppe, chỉ số sáng tạo CQ tăng từ 98,9 lên 99,9. Giá trị CQ tối thiểu tăng từ 91 lên 91,83; còn giá trị CQ tối đa tăng từ 116 lên 120,16. Tuy nhiên, tính trung bình thì chỉ số sáng tạo liên quan đến ngôn từ của nhóm TN không tăng lên, mặc dù có những sinh viên nhóm TN đạt chỉ số sáng tạo loại khá. Việc chỉ tăng nhẹ điểm VKT Schoppe là bộ Test có vật liệu ngôn ngữ bên cạnh sự tăng rất mạnh điểm TSD – Z Urban có vật liệu là hình vẽ đối với trường hợp nghiệm thể là sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp là một vấn đề khá thú vị.

### 3.2.2. Sự phát triển năng lực TKMT của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp nhóm TN

Trước và sau tác động thực nghiệm số sinh viên 96 em được đo lường về năng lực TKMT bằng việc làm bài tập chuyên ngành.

Số liệu về kết quả của bài tập chuyên ngành của nhóm TN được thể hiện ở bảng 2.

**Bảng 2:** Điểm bài tập chuyên ngành trung bình ( $\overline{BTCN}$ ) của nhóm thực nghiệm trước và sau tác động

Thời điểm	$\overline{BTCN}$	SD	Min	Max	P
Trước tác động TN	6.7	1.1	5	9	.000
Sau tác động TN lần 1	7.5	1.0	5	8	
Sau tác động TN lần 2	8.3	0.86	5	9.5	

Số liệu ở bảng 2 cho thấy, giá trị trung bình điểm BTCN sau tác động thực nghiệm (tác động lần 1) là 7,5 điểm, lớn hơn giá trị trung bình điểm BTCN trước tác động thực nghiệm là 6,7 điểm và giá trị trung bình điểm BTCN sau tác động thực nghiệm (tác động lần 2) là 8,3 lớn hơn giá trị trung bình điểm BTCN tác động lần 1. Theo kết quả so sánh thống kê, điểm trung bình BTCN sau tác động lần 1 lớn hơn điểm trung bình BTCN ở thời điểm trước thực nghiệm và sau tác động lần 2 thì điểm trung bình BTCN cao hơn hẳn so với tác động lần 1, với  $P = 0,000$ .

Vậy số liệu thực nghiệm cho phép kết luận rằng, việc giảng dạy tâm lý học sáng tạo cho sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp theo phương pháp dạy học mới không áp đặt đối với họ, cùng với việc áp dụng kiểu dạy học mới của giảng viên Mỹ thuật Công nghiệp theo hướng phát triển trí sáng tạo của sinh viên, dẫn đến việc làm tăng đáng kể năng lực TKMT của họ.

### 3.3. So sánh mức độ trí sáng tạo và năng lực TKMT của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp nhóm TN và ĐC

Trí sáng tạo và năng lực TKMT của sinh viên nhóm TN và ĐC đều tăng lên từ thời điểm trước thực nghiệm đến thời điểm sau thực nghiệm. Do vậy, chỉ khi chứng minh được rằng mức độ trí sáng tạo và năng lực TKMT của sinh viên nhóm TN sau thực nghiệm cao hơn hẳn trí sáng tạo và năng lực

TKMT của nhóm ĐC sau thực nghiệm thì mới khẳng định được về hiệu quả của tác động thực nghiệm tâm lý.

### 3.3.1. So sánh mức độ trí sáng tạo của nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm

Các số liệu về kết quả đo lường trí sáng tạo bằng TSD – Z Urban và VKT Schoppe của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp nhóm TN và ĐC ngay sau tác động, được tập hợp và xử lý thống kê thể hiện ở bảng 3.

**Bảng 3:** So sánh mức độ trí sáng tạo nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm tác động theo TSD – Z Urban và VKT Schoppe

Test	Nhóm TN và ĐC sau tác động	$\overline{R-W}$	$\overline{CQ}$	SD	Min	Max	Mức độ sáng tạo	P
TSD - Z	TN	53.15		5.7	41	61	E	.000
	ĐC	47.48		9.0	36	62	E	
VKT	TN		99.9	6.2	91.83	120.16	C	.001
	ĐC		95.4	6.4	83.66	111.50	C	

Số liệu ở bảng 3 cho thấy rõ tương quan về sự tăng trưởng của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp nhóm TN và ĐC là giá trị trung bình điểm TSD – Z Urban (53,15) của nhóm TN cao hơn hẳn so với giá trị điểm trung bình TSD – Z Urban của nhóm ĐC (47,48). Số liệu VKT Schoppe cho thấy chỉ số sáng tạo trung bình của nhóm TN là  $CQ = 99,9$ , còn chỉ số sáng tạo trung bình của nhóm ĐC là  $CQ = 95,4$ . Điểm Test tối thiểu và điểm Test tối đa của nhóm TN đều lớn hơn nhóm ĐC. Tuy cùng có một mức độ trí sáng tạo loại “C” theo VKT Schoppe, song theo kết quả so sánh thống kê giá trị trung bình chỉ số sáng tạo thì trí sáng tạo của nhóm TN cao hơn một cách rõ rệt về mặt thống kê so với trí sáng tạo của nhóm ĐC tại cùng thời điểm sau thực nghiệm tác động.

Như vậy, số liệu thống kê các kết quả TSD – Z Urban và VKT Schoppe chứng tỏ một cách vững chắc rằng các tác động thực nghiệm tâm lý đã có hiệu quả nâng cao trí sáng tạo của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp.

### 3.3.2. So sánh về mặt năng lực TKMT của nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm tác động

Sau tác động thực nghiệm, hai nhóm TN và ĐC được chia làm hai bài tập chuyên ngành. Số liệu về kết quả bài tập chuyên ngành lần 1 (BTCN 1) và lần 2 (BTCN 2) của nhóm TN và ĐC được tổng hợp và xử lý thống kê thể hiện ở bảng 4.

**Bảng 4:** So sánh điểm trung bình BTCN lần 1 và lần 2 của nhóm TN và ĐC sau tác động thực nghiệm

Nhóm SV	BTCN		SD		Min		Max		P	
	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2
TN	7.5	8.3	1.0	.86	5	7	9.5	10	.076	.000
ĐC	7.2	7.4	.88	.84	5	5	9	9	.076	.000

Số liệu bảng 4 cho thấy, điểm trung bình BTCN lần 1 của nhóm TN (7,5) cao hơn nhóm ĐC (7,2). Như vậy, tuy năng lực TKMT của nhóm TN cao hơn hẳn năng lực này của nhóm ĐC (nhưng không được đảm bảo thống kê ở mức  $P = 0,05$  mà ở mức kém hơn là 0,076). Điểm BTCN lần 2 của nhóm TN cao hơn hẳn (8,3) nhóm ĐC (7,4). Điểm trung bình tối đa và tối thiểu của nhóm TN đều cao hơn điểm BTCN tối đa và tối thiểu nhóm ĐC. Việc so sánh thống kê giá trị trung bình điểm chuyên ngành lần 2 cho kết quả  $P = 0,000$ .

Vậy năng lực TKMT của nhóm TN cao hơn hẳn năng lực TKMT của nhóm ĐC, tức là tác động thực nghiệm có hiệu quả nâng cao năng lực TKMT của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp một cách rõ rệt.

Như vậy, sự phân tích số liệu thực nghiệm ở đây cho phép nói rằng nếu được học tập tâm lý học sáng tạo, môn học này có khả năng cung cấp thông tin, tri thức một cách có hệ thống về lý luận sáng tạo dưới góc độ tâm lý học, qua những bài giảng với phong cách mới theo hướng không áp đặt tri thức, kiến thức đối với sinh viên mà phát huy trí sáng tạo của họ trong học tập, thì trí sáng tạo của họ có cơ hội phát triển mạnh. Nói cách khác, tri thức tâm lý học sáng tạo và đặc biệt là tri thức ấy được truyền thụ bằng phương pháp giảng dạy kiểu mới, định hướng phát huy trí sáng tạo của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp, có tác dụng làm tăng mạnh mẽ trí sáng tạo của họ và kéo theo đó là làm tăng rõ rệt

năng lực TKMT của những sinh viên này. Từ đó, trí sáng tạo và năng lực thiết kế mỹ thuật của sinh viên Mỹ thuật Công nghiệp được phát triển.

### **Chú thích**

1. Những số liệu trong bài viết này được rút ra từ luận án của nghiên cứu sinh tác giả bài viết này.